

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 37



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 1331/QĐ-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển BOT Cần Đơn thuộc Tổng công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 44.03.000032 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp bổ sung 13 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 23 tháng 01 năm 2014 về việc thay đổi số đăng ký kinh doanh thành 3801068943, đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 27 tháng 9 năm 2019 về việc thay đổi thông tin Chứng minh nhân dân của Người đại diện theo Pháp luật.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : 0271 356 3359
- Fax : 0271 356 3133

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn - Nhà Máy Thủy điện Ry Ninh II	Thôn Ia Ping, xã Ia Ly, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn - Nhà Máy Thủy điện Nà Lơi	Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm);
- Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết, nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức cá nhân; tiếp nhận, vận tải vật tư thiết bị./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Văn Việt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Ông Mai Ngọc Hoàn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Hồng Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Tuyền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Ông Trần Đức Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Vũ Ngọc Long	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Xuân Ninh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Mai Ngọc Hoàn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Ngọc Hoàn - Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Mai Ngọc Hoàn

Ngày 20 tháng 10 năm 2021

181
: N
: N
NH
DÁ
A
TÁI
: Đ

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0006/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 10 năm 2021, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Các hợp đồng cho vay và các phụ lục kèm theo của Công ty với các đối tượng vay đã hết hạn từ năm 2015 (xem Thuyết minh số VIII.3 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ) và đã không thể tái đàm phán hoặc đạt được các thỏa thuận tài chính thay thế, Công ty cũng chưa có được các thỏa thuận thống nhất với các bên vay về việc thu gốc vay và lãi vay sau khi các thỏa thuận nêu trên hết hạn và đang tiến hành khởi kiện các bên vay. Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, chúng tôi không thu thập được các thỏa thuận được thống nhất giữa các bên cũng như biên bản xác nhận công nợ phân tách rõ số dư gốc vay và lãi vay như Công ty đã trình bày tại thuyết minh số V.5 và V.6. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ý kiến về tính trung thực và hợp lý việc tính toán các số liệu đã trình bày tại thuyết minh số VIII.3 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3-0
T
H
V
S
C
H
A
I
A

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội**

Lê Văn Khoa – Phó Giám đốc*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1*

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		650.539.130.759	675.988.008.447
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.737.438.843	54.927.773.737
1. Tiền	111		6.737.438.843	19.927.773.737
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	35.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		638.812.516.495	615.626.112.817
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	610.720.222.216	614.874.636.829
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	911.522.000	386.930.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	54.883.256.722	54.883.256.722
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	43.913.233.709	23.097.007.418
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(71.615.718.152)	(77.615.718.152)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.609.129.265	4.398.004.455
1. Hàng tồn kho	141	V.8	4.609.129.265	4.398.004.455
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		380.046.156	1.036.117.438
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	356.016.533	634.949.302
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	24.029.623	401.168.136
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		399.291.649.121	427.599.758.500
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		344.367.763.790	367.888.246.147
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	340.967.763.790	364.488.246.147
<i>Nguyên giá</i>	222		1.699.227.665.081	1.699.227.665.081
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.358.259.901.291)	(1.334.739.418.934)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.400.000.000	3.400.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		3.400.000.000	3.400.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		450.909.091	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		450.909.091	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	37.826.773.803	40.360.460.161
1. Đầu tư vào công ty con	251		60.936.420.000	60.936.420.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.841.309.273	1.841.309.273
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(24.950.955.470)	(22.417.269.112)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.646.202.437	19.351.052.192
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	5.808.311.608	7.960.966.171
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		10.837.890.829	11.390.086.021
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.049.830.779.880	1.103.587.766.947

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		128.641.623.524	221.910.402.010
I. Nợ ngắn hạn	310		33.691.350.940	124.772.207.697
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.271.308.106	3.883.951.061
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	125.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	19.575.724.432	27.986.250.337
4. Phải trả người lao động	314		2.441.235.163	10.121.479.671
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		185.470.523	241.209.812
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	3.407.039.157	72.664.963.723
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	3.699.188.440	3.533.703.795
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	2.111.385.119	6.215.649.298
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		94.950.272.584	97.138.194.313
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	94.950.272.584	97.138.194.313
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		921.189.156.356	881.677.364.937
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	921.154.560.759	881.642.769.340
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		689.986.200.000	689.986.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		689.986.200.000	689.986.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.212.070.479	1.212.070.479
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		84.463.037.561	84.463.037.561
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		145.493.252.719	105.981.461.300
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		105.981.461.300	105.981.461.300
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		39.511.791.419	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		34.595.597	34.595.597
1. Nguồn kinh phí	431		34.595.597	34.595.597
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.049.830.779.880	1.103.587.766.947

Người lập biểu



Đào Thị Bé

Kế toán trưởng



Hồ Thị Huệ

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2021

Tổng Giám đốc



Mai Ngọc Hoàn

 15-C
 NHẬT
 NG T
 EN P
 N VÀ
 & C
 HÀ
 ĐA -

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	124.044.143.227	123.860.415.871
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		124.044.143.227	123.860.415.871
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	64.415.662.074	62.783.580.039
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.628.481.153	61.076.835.832
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	490.628.618	3.002.631.545
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.221.410.183	8.476.201.301
Trong đó: chi phí lãi vay	23		687.723.825	1.550.103.853
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.735.066.698	12.536.237.354
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50.162.632.890	43.067.028.722
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.162.632.890	43.067.028.722
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	10.650.841.471	8.830.868.813
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>39.511.791.419</u>	<u>34.236.159.909</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đào Thị Bé



Hồ Thị Huệ



Mai Ngọc Hoàn

22-C.T.
H
Y
TU HAN
TU VAN
NỘI
TP. HA.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		50.162.632.890	43.067.028.722
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	23.486.210.033	23.895.291.835
- Các khoản dự phòng	03		(3.466.313.642)	5.624.486.742
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(301.652.441)	286.778.031
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(178.013.699)	(3.002.631.545)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	687.723.825	1.550.103.853
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		70.390.586.966	71.421.057.638
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(59.080.618.525)	(34.957.800.020)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		341.070.382	2.993.325.021
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(11.875.799.458)	(9.835.070.572)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.431.587.332	(6.479.524.818)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.643.661.387)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(17.690.881.361)	(19.291.534.448)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(4.680.479.138)	(8.986.907.060)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(20.164.533.802)	(6.778.115.646)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(450.909.091)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(25.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	60.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.178.013.699	4.002.631.545
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.727.104.608	39.002.631.545

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(1.566.195.638)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(33.752.905.700)	(68.913.973.100)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(33.752.905.700)</i>	<i>(70.480.168.738)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(48.190.334.894)	(38.255.652.839)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	54.927.773.737	97.123.971.523
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	<u>6.737.438.843</u>	<u>58.868.318.684</u>

Người lập biểu

Đào Thị Bé

Kế toán trưởng

Hồ Thị Huệ

Ngày 20 tháng 10 năm 2021

Tổng Giám đốc



Mai Ngọc Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên có trụ sở chính tại Làng Kon Sơ Lãng, xã Hà Tây, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con là 81,25%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn - Nhà Máy Thủy điện Ry Ninh II	Thôn Ia Ping, xã Ialy, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn - Nhà Máy Thủy điện Nà Lơi	Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 230 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 234 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÙY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn.): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50
Máy móc và thiết bị	03-25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08
Tài sản cố định khác	03-08

Riêng đối với tài sản cố định là Nhà máy thủy điện Cần Đơn được thực hiện khấu hao theo sản lượng điện sản xuất trong kỳ trên tổng sản lượng thiết kế vận hành tính trong thời gian hoạt động của nhà máy là 25 năm kể từ khi nhà máy đi vào hoạt động.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm Quyền sử dụng đất, là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bỏ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được và đơn giá qui định trong hợp đồng mua, bán điện đã được ký kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5-00
: AN
: T
: HI
: V
: C
H A P
A

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	615.550.195	400.742.511
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.121.888.648	19.527.031.226
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	35.000.000.000
Cộng	6.737.438.843	54.927.773.737

2. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào Công ty con ⁽ⁱ⁾	60.936.420.000	(24.950.955.470)	60.936.420.000	(22.417.269.112)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác ⁽ⁱⁱ⁾	1.841.309.273	-	1.841.309.273	-
Cộng	62.777.729.273	(24.950.955.470)	62.777.729.273	(22.417.269.112)

⁽ⁱ⁾ Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3903000149, thay đổi lần thứ ba ngày 08 tháng 3 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, Công ty đầu tư vào Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên 6.093.642 cổ phần, tương đương 81,25% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.

⁽ⁱⁱ⁾ Là khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II ĐăkPsi. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100255115 thay đổi lần thứ 8 ngày 22 tháng 12 năm 2020 thì vốn điều lệ của Công ty này là 52.000.000.000 đồng, tương đương 5.200.000 cổ phần. Công ty đã đầu tư vào Công ty này 1.841.309.273 đồng tương đương 184.131 cổ phần tương đương 3,54% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

Công ty này đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	22.417.269.112	16.629.743.610
Trích lập dự phòng bổ sung	2.533.686.358	6.624.486.742
Số cuối kỳ	24.950.955.470	23.254.230.352

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>602.013.418.055</i>	<i>608.043.536.071</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	600.903.603.445	606.933.721.461
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên	1.109.814.610	1.109.814.610
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>8.706.804.161</i>	<i>6.831.100.758</i>
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	2.140.372.255	4.415.235.646
Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	6.275.161.406	1.962.063.519
Các khách hàng khác	291.270.500	453.801.593
Cộng	610.720.222.216	614.874.636.829

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Luật TNHH Lawpro	661.500.000	42.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Minh	210.422.000	210.422.000
Các nhà cung cấp khác	39.600.000	134.508.000
Cộng	911.522.000	386.930.000

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	20.000.000.000	20.000.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>34.883.256.722</i>	<i>34.883.256.722</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long ^(*)	29.285.666.264	29.285.666.264
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom ^(*)	5.597.590.458	5.597.590.458
Cộng	54.883.256.722	54.883.256.722

^(*) Xem thuyết minh VIII.3 trang 34 – 37.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	35.351.113.358	(9.222.699.020)	9.222.699.020	(9.222.699.020)
Tổng công ty Sông Đà -CTCP	26.128.414.338	-	-	-
- Tiền điện phải thu				
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào - Lãi cho vay ^(*)	9.222.699.020	(9.222.699.020)	9.222.699.020	(9.222.699.020)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.562.120.351	(7.218.491.910)	13.874.308.398	(13.218.491.910)
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – lãi cho vay ^(*)	1.580.067.152	(1.580.067.152)	7.580.067.152	(7.580.067.152)
Tạm ứng	129.001.776	-	85.701.609	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.853.051.423	(5.638.424.758)	6.208.539.637	(5.638.424.758)
Cộng	43.913.233.709	(16.441.190.930)	23.097.007.418	(22.441.190.930)

^(*) Xem thuyết minh VIII.3 trang 34 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Bên liên quan		29.222.699.020	(29.222.699.020)		29.222.699.020	(29.222.699.020)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (*)		29.222.699.020	(29.222.699.020)		29.222.699.020	(29.222.699.020)
Gốc vay	Trên 3 năm	20.000.000.000	(20.000.000.000)	Trên 3 năm	20.000.000.000	(20.000.000.000)
Lãi vay	Trên 3 năm	9.222.699.020	(9.222.699.020)	Trên 3 năm	9.222.699.020	(9.222.699.020)
Các tổ chức và cá nhân khác		44.031.031.425	(42.393.019.132)		50.032.198.662	(48.393.019.132)
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long (*)		30.865.733.416	(30.865.733.416)		36.865.733.416	(36.865.733.416)
Gốc vay	Trên 3 năm	29.285.666.264	(29.285.666.264)	Trên 3 năm	29.285.666.264	(29.285.666.264)
Lãi vay	Trên 3 năm	1.580.067.152	(1.580.067.152)	Trên 3 năm	7.580.067.152	(7.580.067.152)
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom (*)	Trên 3 năm	5.597.590.458	(5.597.590.458)	Trên 3 năm	5.597.590.458	(5.597.590.458)
Các tổ chức và cá nhân khác		7.567.707.551	(5.929.695.258)		7.568.874.788	(5.929.695.258)
Cộng		73.253.730.445	(71.615.718.152)		79.254.897.682	(77.615.718.152)

Tình hình biến động dự phòng trong kỳ:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	77.615.718.152	64.550.181.212
Hoàn nhập dự phòng	(6.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số cuối kỳ	71.615.718.152	63.550.181.212

(*) Xem thuyết minh VIII.3 trang 34 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.570.091.065	4.381.112.455
Công cụ, dụng cụ	8.920.000	8.920.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.118.200	7.972.000
Cộng	<u>4.609.129.265</u>	<u>4.398.004.455</u>

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm tài sản	111.722.258	146.360.753
Thí nghiệm hiệu chỉnh	244.294.275	488.588.549
Cộng	<u>356.016.533</u>	<u>634.949.302</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	565.708.560	889.529.784
Sửa chữa tài sản cố định	5.242.603.048	6.697.883.262
Chi phí kiểm định an toàn	-	373.553.125
Cộng	<u>5.808.311.608</u>	<u>7.960.966.171</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	914.624.717.697	638.519.556.136	143.699.167.305	2.384.223.943	1.699.227.665.081
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	914.624.717.697	638.519.556.136	143.699.167.305	2.384.223.943	1.699.227.665.081
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.153.996.755	52.526.892.642	7.853.421.580	1.437.573.589	63.971.884.566
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	703.720.094.474	516.023.586.372	113.130.475.752	1.865.262.336	1.334.739.418.934
Khấu hao trong kỳ	13.033.144.990	8.316.621.502	2.042.082.583	94.360.958	23.486.210.033
Hao mòn tài sản cố định phúc lợi	34.272.324	-	-	-	34.272.324
Số cuối kỳ	716.787.511.788	524.340.207.874	115.172.558.335	1.959.623.294	1.358.259.901.291
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	210.904.623.223	122.495.969.764	30.568.691.553	518.961.607	364.488.246.147
Số cuối kỳ	197.837.205.909	114.179.348.262	28.526.608.970	424.600.649	340.967.763.790

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 277.584.940.878 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là Quyền sử dụng đất tại lô đất số 165 Trường Chinh, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Nam	-	1.251.151.574
Công ty TNHH MTV Trường Thọ	170.374.326	1.026.725.489
Công ty TNHH MTV Yên Phú Lộc	455.707.780	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thuận Thiên	769.252.000	-
Công ty Cổ phần Thái Tuyên	-	495.313.830
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp điện Anh Khoa	337.975.000	-
Công ty Điện lực Tây Ninh	-	447.373.141
Các nhà cung cấp khác	537.999.000	663.387.027
Cộng	2.271.308.106	3.883.951.061

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.732.402.617	9.979.388.282	(9.162.884.035)	-	2.548.906.864
Thuế thu nhập doanh nghiệp	401.168.136	17.740.667.827	10.650.841.471	(17.690.881.361)	-	10.299.459.801
Cục thuế Bình Phước	-	17.478.231.478	8.718.156.078	(17.478.231.478)	-	8.718.156.078
Cục thuế Điện Biên	401.168.136	-	1.932.685.393	-	-	1.531.517.257
Cục thuế Gia Lai	-	262.436.349	-	(212.649.883)	-	49.786.466
Thuế thu nhập cá nhân	-	928.865.596	1.090.215.364	(2.020.633.550)	24.029.623	22.477.033
Thuế tài nguyên	-	1.468.898.401	11.461.965.117	(10.077.114.644)	-	2.853.748.874
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	637.528.223	(637.528.223)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Phí môi trường rừng	-	2.615.022.396	4.426.323.660	(3.190.214.196)	-	3.851.131.860
Phí cấp quyền khai thác nước mặt	-	3.500.393.500	3.879.715.500	(7.380.109.000)	-	-
Cộng	401.168.136	27.986.250.337	42.130.977.617	(50.164.365.009)	24.029.623	19.575.724.432

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.162.632.890	43.067.028.722
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.091.574.463	1.087.315.344
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.091.574.463	1.087.315.344
<i>Thù lao HĐQT không tham gia điều hành</i>	-	72.000.000
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	-	243.175.000
<i>Phần lỗ của chi nhánh Ryninh II</i>	3.091.574.463	772.140.344
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	53.254.207.353	44.154.344.066
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	10.650.841.471	8.830.868.813

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với giá tính thuế là giá bán điện thường phẩm, thuế suất là 5%.

Tiền thuê đất

Công ty được miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng nhà máy thủy điện Cần Đơn theo qui định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 04/GPĐC-ĐTTN ngày 28 tháng 5 năm 2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng nhà máy thủy điện Ryninh II và Nà Lơi.

Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36 VND/Kwh.

Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước mặt

Công ty phải nộp phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước mặt cho hoạt động thủy điện theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	35.251.860.000
Tổng công ty Sông Đà - CTCP - cổ tức phải trả	-	35.161.056.000
Thù lao HĐQT, BKS	-	90.804.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	3.407.039.157	37.413.103.723
Kinh phí công đoàn	355.217.314	218.157.275
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	309.267.722	-
Cổ tức phải trả cổ đông	1.710.028.605	35.462.934.305
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.032.525.516	1.732.012.143
Cộng	3.407.039.157	72.664.963.723

15. Vay ngắn hạn/dài hạn

Là khoản vay Tổng công ty Sông Đà (nay là Tổng công ty Sông Đà – CTCP) theo Hợp đồng tín dụng vay lại vốn vay ADB số 02/2011/HDTD-ADB-TĐSD-CD ngày 30 tháng 11 năm 2011. Mục đích vay vốn từ khoản vay ADB nguồn vốn OCR để trả một phần nợ gốc khoản vay dài hạn dự án thủy điện Cần Đơn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước. Số tiền vay là 5.000.000 USD (Năm triệu Đô la Mỹ), thời hạn vay 25 năm bao gồm 5 năm ân hạn. Gốc và lãi trả định kỳ vào ngày 05 tháng 5 và 05 tháng 11 hàng năm theo thông báo trả nợ của bên cho vay, ADB và Sở Giao dịch 1 Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Lãi suất cho vay gồm lãi suất LIBOR + chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo, phí cho vay lại phải trả cho Tổng công ty Sông Đà là 1%/năm trên số dư nợ gốc của khoản vay OCR, lãi phạt bằng 150% lãi suất cho vay theo quy định. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả	3.699.188.440	3.533.703.795
Vay dài hạn	94.950.272.584	97.138.194.313
Cộng	98.649.461.024	100.671.898.108
Nguyên tệ (USD)	4.266.845,20	4.341.177,15

Chi tiết số phát sinh trong kỳ như sau:

	Đến hạn trả	Chưa đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	3.533.703.795	97.138.194.313	100.671.898.108
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.720.784.643)	-	(1.720.784.643)
Số kết chuyển	1.894.705.964	(1.894.705.964)	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	(8.436.676)	(293.215.765)	(301.652.441)
Số cuối kỳ	3.699.188.440	94.950.272.584	98.649.461.024

Kỳ hạn thanh toán khoản vay như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.699.188.440	3.533.703.795
Trên 1 năm đến 5 năm	25.024.135.456	18.148.692.274
Trên 5 năm	69.926.137.128	78.989.502.039
Cộng	98.649.461.024	100.671.898.108

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	Cộng
Số đầu năm	5.339.297.333	239.006.956	637.345.009	6.215.649.298
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.617.479.138)	(63.000.000)	-	(4.680.479.138)
Hao mòn TSCĐ phúc lợi	-	-	(34.272.324)	(34.272.324)
Số quỹ chi vượt nguồn	610.487.283	-	-	610.487.283
Cộng	1.332.305.478	176.006.956	603.072.685	2.111.385.119

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
6 tháng đầu năm 2020					
Số dư đầu năm trước	689.986.200.000	1.212.070.479	84.463.037.561	155.708.616.530	931.369.924.570
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	34.236.159.909	34.236.159.909
Trích lập các quỹ	-	-	-	(8.392.300.000)	(8.392.300.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(144.897.102.000)	(144.897.102.000)
Số dư cuối kỳ trước	689.986.200.000	1.212.070.479	84.463.037.561	36.655.374.439	812.316.682.479
6 tháng đầu năm 2021					
Số dư đầu năm nay	689.986.200.000	1.212.070.479	84.463.037.561	105.981.461.300	881.642.769.340
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	39.511.791.419	39.511.791.419
Số dư cuối kỳ này	689.986.200.000	1.212.070.479	84.463.037.561	145.493.252.719	921.154.560.759

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	351.610.560.000	351.610.560.000
Các cổ đông khác	338.375.640.000	338.375.640.000
Cộng	689.986.200.000	689.986.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**17c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	68.998.620	68.998.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành công chúng	68.998.620	68.998.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	68.998.620	68.998.620

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	123.612.483.927	118.259.267.432
Thuế tài nguyên	-	1.952.877.567
Phí dịch vụ môi trường rừng	-	754.152.372
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	2.810.743.500
Doanh thu dịch vụ khác	431.659.300	83.375.000
Cộng (*)	<u>124.044.143.227</u>	<u>123.860.415.871</u>

(*) Doanh thu kỳ này không bao gồm các khoản thu hộ (Thuế tài nguyên, Phí dịch vụ môi trường rừng, Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước).

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán điện thương phẩm của Nhà máy Thủy điện Cần Đơn cho Tổng công ty Sông Đà với số tiền là 99.010.101.970 VND (cùng kỳ năm trước là 99.533.560.789 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động bán điện	64.052.849.014	58.353.859.600
Thuế tài nguyên nước	-	1.952.877.567
Phí dịch vụ môi trường rừng	-	754.152.372
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	1.722.690.500
Giá vốn hàng bán khác	362.813.060	-
Cộng (*)	<u>64.415.662.074</u>	<u>62.783.580.039</u>

(*) Giá vốn kỳ này không bao gồm các khoản chi hộ (Thuế tài nguyên, Phí dịch vụ môi trường rừng, Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	178.013.699	2.991.523.511
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	10.962.478	11.108.034
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	301.652.441	-
Cộng	490.628.618	3.002.631.545

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	687.723.825	1.550.103.853
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	14.832.675
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	286.778.031
Dự phòng tổn thất đầu tư	2.533.686.358	6.624.486.742
Cộng	3.221.410.183	8.476.201.301

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.995.720.128	7.339.755.899
Chi phí vật liệu quản lý	82.001.577	144.874.325
Chi phí đồ dùng văn phòng	398.530.014	480.124.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	285.671.348	543.850.521
Thuế, phí và lệ phí	120.630.268	138.185.287
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(6.000.000.000)	(1.000.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.386.784.347	1.090.166.472
Các chi phí khác	3.465.729.016	3.799.280.611
Cộng	6.735.066.698	12.536.237.354

6. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.002.235.492	9.047.721.066
Chi phí nhân công	16.994.480.786	17.822.400.119
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.486.210.033	23.895.291.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.942.038.201	2.418.253.295
Chi phí khác	16.747.910.460	22.158.201.078
Cộng	71.172.874.972	75.341.867.393

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thanh toán với Tổng công ty Sông Đà – CTCP thông qua việc bù trừ công nợ		
- Trả nợ gốc vay	1.720.784.643	1.566.195.638
- Trả lãi vay ngân hàng và phí vay lại	743.463.114	1.658.494.062
- Trả cổ tức	35.161.056.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có công nợ và không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
6 tháng đầu năm nay					
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc					
Ông Phạm Văn Việt	Chủ tịch	367.188.193	47.660.018	-	414.848.211
Ông Mai Ngọc Hoàn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	267.695.959	40.632.145	-	308.328.104
Bà Nguyễn Hồng Vân	Thành viên	-	9.000.000	-	9.000.000
Ông Nguyễn Quang Tuyền	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	197.578.065	33.877.547	-	231.455.612
Ông Trần Đức Tân	Thành viên	-	9.000.000	-	9.000.000
Ban kiểm soát					
Ông Vũ Ngọc Long	Trưởng ban	147.047.875	22.204.159	-	169.252.035
Ông Bùi Xuân Ninh	Thành viên	148.585.799	28.611.309	-	177.197.108
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên	-	9.000.000	-	9.000.000
Cộng		1.128.095.891	199.985.178	-	1.328.081.069

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
6 tháng đầu năm trước					
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc					
Ông Phạm Văn Việt	Chủ tịch	265.500.000	64.720.534	-	330.220.534
Ông Mai Ngọc Hoàn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	243.729.048	70.605.490	36.000.000	350.334.538
Bà Nguyễn Hồng Vân	Thành viên	-	9.000.000	36.000.000	45.000.000
Ông Nguyễn Quang Tuyền	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	219.955.337	55.870.977	36.000.000	311.826.314
Ông Trần Đức Tân	Thành viên	-	9.000.000	36.000.000	45.000.000
Ông Trần Văn Sáu	Phó Tổng Giám đốc	219.955.337	55.870.977	-	275.826.314
Ban kiểm soát					
Ông Vũ Ngọc Long	Trưởng ban từ ngày 18/6/2020	5.236.364	4.067.926	-	9.304.290
Ông Lê Viết Đoàn	Trưởng ban đến ngày 18/6/2020	89.163.636	27.815.332	-	116.978.968
Ông Bùi Xuân Ninh	Thành viên	164.556.533	57.578.395	30.000.000	252.134.928
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên	-	9.000.000	30.000.000	39.000.000
Cộng		1.208.096.255	363.529.631	204.000.000	1.775.625.886

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Sông Đà – CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên	Công ty con
Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Các công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Tổng công ty Sông Đà – CTCP như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chia cổ tức	-	73.838.217.600
Lãi vay và phí cho vay lại	687.723.825	1.550.103.853

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.14 và V.15.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

002C
NH
TY
HỮU H
À TỰ V
C
NỘI
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Các thông tin bổ sung

Các khoản cho vay Công ty Cổ phần Điện Việt Lào, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long và Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom phát sinh trong năm 2012, đã quá hạn thanh toán từ cuối năm 2015 và Công ty đã tự dừng hạch toán lãi vay từ khi quá hạn thanh toán gốc vay. Công ty đã trích dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với toàn bộ số dư gốc và lãi vay đã hạch toán từ các năm trước. Hàng năm, Công ty chỉ đối chiếu xác nhận số gốc và lãi vay đã hạch toán trên sổ kế toán và trình bày trên Báo cáo tài chính mà chưa đối chiếu, xác nhận số lãi vay tính trên gốc vay quá hạn chưa hạch toán trên sổ kế toán.

Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty yêu cầu Ban Tổng Giám đốc tính đúng, tính đủ và hạch toán đầy đủ các khoản lãi vay theo đúng quy định của Hợp đồng cho vay. Thực hiện Nghị quyết này, Ban Tổng Giám đốc đã tự kiểm tra lại toàn bộ các nghiệp vụ thu nợ gốc, thu lãi và tính lãi vay đã hạch toán từ năm 2012 đến hết năm 2015. Kết quả tự kiểm tra cho thấy Công ty chưa tính lãi vay của khoản lãi định kỳ chưa thanh toán và một vài trường hợp hạch toán thu nợ gốc trước khi thu lãi dẫn đến tính thiếu lãi vay phải thu theo hợp đồng. Theo đó, Công ty hạch toán bổ sung khoản lãi cho vay tính thiếu, điều chỉnh lại số dư gốc vay và lãi vay đồng thời trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với số lãi vay và gốc vay hạch toán bổ sung này; tính và mở sổ theo dõi khoản lãi cho vay trên sổ gốc cho vay (tính lại) đã quá hạn thanh toán chưa đủ điều kiện ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

3a. Thông tin về các hợp đồng cho vay:

Trong năm 2012, Công ty ký kết các hợp đồng cho vay với Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, Công ty Cổ phần Điện Việt Lào và Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom. Thông tin chung về các hợp đồng như sau:

- Thời hạn cho vay : 01 năm
- Lãi suất: theo Lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước áp dụng cho từng khoản vay ngắn hạn của Công ty theo từng thời điểm vay.
- Lãi suất nợ quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn
- Thời điểm thu lãi: Thu lãi vay vào ngày 10 của tháng đầu quý, trường hợp các khoản lãi vay quá thời hạn thanh toán sẽ được tính lãi như đối với gốc vay.
- Nguyên tắc trả nợ:
 - Nợ gốc trả 1 lần vào thời điểm đến hạn
 - Lãi vay trả 03 tháng 1 lần vào ngày 10 của tháng đầu quý
 - Thứ tự ưu tiên thanh toán: Trong trường hợp Bên vay không đủ tiền để thanh toán nợ gốc, lãi thì Bên cho vay quyết định thứ tự ưu tiên thanh toán trả lãi trước và nợ gốc sau.
 - Tài sản đảm bảo: Không có

(i) Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long:

Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD/CE-XML ngày 01/01/2012 và các phụ lục:

- Phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐ/CE-XML ngày 01/01/2013 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 31/12/2013.
- Phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHĐ/CE-XML ngày 01/01/2014 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 31/12/2014.
- Phụ lục hợp đồng số 01/2015/PLHĐ/CE-XML ngày 01/01/2015 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 31/12/2015.

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 08/2012/HĐTD/RNII-XML ngày 01/04/2012 và các phụ lục:

- Phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐ/RNII-XML điều chỉnh số tiền cho vay và gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 01/04/2014.
- Phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHĐ/RNII-XML ngày 01/04/2014 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 30/09/2014.
- Phụ lục hợp đồng số 04/2014/PLHĐ/CE-XML ngày 01/10/2014 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 31/12/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(ii) Công ty Cổ phần Điện Việt Lào:

Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐVV/CD-VL ngày 29/6/2012 và các phụ lục:

- Phụ lục hợp đồng số 02/2013/PLHĐ/CD-VL ngày 30/6/2013 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 30/06/2014.
- Phụ lục hợp đồng số 02/2014/PLHĐ/CD-VL ngày 30/6/2014 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 30/06/2015.

(iii) Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom:

Hợp đồng tín dụng số 03/2012/HĐVV/CD-TX ngày 25/7/2012 và các phụ lục

- Phụ lục hợp đồng số 03/2013/PLHĐ/CD-TX ngày 26/7/2013 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 26/07/2014.
- Phụ lục hợp đồng số 03/2014/PLHĐ/CD-TX ngày 27/7/2014 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 27/07/2015.

Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTD/RNII-TĐTX ngày 20/9/2012 và các phụ lục

- Phụ lục hợp đồng số 02/2014/PLHĐ/RNII-TĐTX ngày 01/01/2014 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 30/09/2014.
- Phụ lục hợp đồng số 05/2014/PLHĐ/CD-TĐTX ngày 01/10/2014 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 01/10/2015.

3b. Quá trình tính lãi và hạch toán của Công ty trước thời điểm hết hạn trả nợ gốc vay.

Theo quy định của hợp đồng thì lãi vay được tính và thanh toán 03 tháng một lần, vào ngày 10 của đầu mỗi quý, trường hợp các khoản lãi vay quá thời hạn thanh toán sẽ được tính lãi như đối với gốc vay. Khi trả nợ sẽ ưu tiên thanh toán trừ tiền lãi trước, trừ nợ gốc sau.

Tuy nhiên, trong quá trình tính toán, hạch toán trước đây, Công ty đã căn cứ vào chứng từ trả nợ của đơn vị để hạch toán giảm dư nợ gốc vay mà chưa tính toán, hạch toán theo quy định tại hợp đồng. Cụ thể là: Công ty chưa tính lãi vay của khoản lãi định kỳ chưa trả được; Khi bên đi vay trả nợ, Công ty đã chưa trừ hết lãi vay phải thu mà trừ một phần vào số dư nợ gốc, dẫn đến tính thiếu số lãi vay phải thu theo hợp đồng. Căn cứ theo các điều khoản của hợp đồng cho vay, Công ty đã thực hiện tính toán lại số lãi phải thu trong hạn (từ khi cho vay đến khi hết thời hạn hợp đồng cho vay) theo đúng qui định của Hợp đồng, số lãi tăng thêm là 8.519.073.655 VND và tính bổ sung lãi vay đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom từ khi hết thời hạn trả nợ gốc đến ngày 19/06/2017. Chi tiết như sau:

Đơn vị	Số thu nợ gốc chưa đúng theo Hợp đồng phải tính vào thu lãi	Lãi vay phát sinh từ gốc (giai đoạn từ 2012-2015) còn thiếu phải bổ sung	Lãi phát sinh từ lãi vay quá hạn thanh toán (giai đoạn từ 2012-2015)	Lãi vay phát sinh từ khi hết thời gian gia hạn Hợp đồng đến 19/6/2017	Tổng cộng lãi vay
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	8.086.477.000	1.148.970.263	4.318.976.228	-	5.467.946.491
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom	5.597.590.458	521.972.105	422.289.372	2.908.038.527	3.852.300.004
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	-	609.166.667	1.497.699.020	-	2.106.865.687
Tổng cộng	13.684.067.458	2.280.109.035	6.238.964.620	2.908.038.527	11.427.112.182

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty đã thực hiện hạch toán bổ sung và trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020:

- Hạch toán tăng phải thu về gốc vay, giảm phải thu về lãi vay số tiền: 13.684.067.458 VND
- Hạch toán tăng doanh thu tài chính, tăng phải thu khác đối với lãi vay phải thu bổ sung do tính lại, số tiền: 11.427.112.182 VND.
- Hạch toán trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, số tiền là: 11.427.112.182 VND, trong đó: phải thu nợ gốc là 3.852.300.004 VND và phải thu lãi cho vay là 7.574.812.178 VND .

Việc hạch toán tăng doanh thu tài chính và tăng trích lập dự phòng này không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020.

3c. Việc tính toán và theo dõi khoản lãi cho vay từ sau thời điểm hết hạn trả nợ gốc vay:

Ngày 08/10/2015, HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 19/CD-NQ-HĐQT không đồng ý gia hạn thời hạn trả nợ cho các Hợp đồng tín dụng nói trên. Điều đó đồng nghĩa với việc các khoản nợ chưa thu hồi được sẽ chuyển thành nợ quá hạn kể từ thời điểm không được gia hạn nợ. Cụ thể:

- Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long: Chuyển nợ quá hạn từ ngày 01/01/2016 đến nay.
- Công ty Cổ phần Điện Việt Lào: Chuyển nợ quá hạn từ ngày 01/07/2015 đến nay.
- Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom: Chuyển nợ quá hạn từ ngày 28/7/2015 đến nay

Kể từ khi các Hợp đồng cho vay không được gia hạn, Công ty chưa thực hiện tính thêm bất kỳ một khoản lãi vay nào (kể cả lãi vay trong và quá hạn) trên số dư nợ này, đồng thời cũng chưa tiến hành đối chiếu và đòi nợ bất kỳ khoản lãi phát sinh thêm nào.

Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng quản trị yêu cầu Ban Tổng Giám đốc tính đúng, tính đủ và hạch toán đầy đủ các khoản lãi vay theo đúng quy định của Hợp đồng cho vay. Thực hiện Nghị quyết này, Công ty đã tính toán lại các khoản lãi vay phải thu theo đúng quy định tại Hợp đồng cho vay như sau:

Đơn vị	Tổng số lãi vay (từ 2012 – 6th2021)	Lãi vay phát sinh từ 2012-2015 đã hạch toán doanh thu	Lãi vay phát sinh từ khi hết thời hạn gia hạn hợp đồng đến 19/06/2017 đã hạch toán doanh thu	Lãi vay phát sinh từ khi hết thời hạn gia hạn hợp đồng đến 30/6/2021 chưa hạch toán doanh thu
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	94.171.423.027	19.666.544.152	-	74.504.878.875
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom	12.072.048.383	2.689.551.931	2.908.038.527	6.474.457.925
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	65.184.517.904	9.222.699.020	-	55.961.818.884
Tổng cộng	171.427.989.314	31.578.795.103	2.908.038.527	136.941.155.684

Các năm trước đây Công ty tính lãi vay bổ sung kể từ khi hết thời gian gia hạn các khoản vay, do vậy Công ty cũng chưa hạch toán và chưa trình bày trên Báo cáo tài chính khoản lãi vay bổ sung này. Công ty đã thực hiện tính toán lại các khoản lãi vay tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2021 (như đã trình bày ở trên). Tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ khoản 1 và điểm b khoản 3 điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC thì khoản lãi quá hạn dự thu tính từ thời điểm hết thời gian gia hạn trả nợ gốc đến 30 tháng 6 năm 2021 số tiền 136.941.155.684 VND chưa đủ điều kiện để hạch toán doanh thu tài chính. Do đó, Công ty chưa hạch toán tăng doanh thu tài chính khoản lãi dự thu này mà chỉ mở sổ theo dõi để có cơ sở đôn đốc thu hồi lãi vay. Hiện tại, Công ty đã nộp đơn khởi kiện các đơn vị nói trên để đòi toàn bộ các khoản nợ (bao gồm cả khoản nợ tính thêm từ khi hết hạn thời hạn trả nợ cho tới nay) về cho đơn vị. Vì vậy, Công ty trình bày bổ sung nội dung này trên Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để Cổ đông được biết.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3d. Các bước đã và đang thực hiện tại Công ty:

- Công ty đã hạch toán bổ sung (tăng) doanh thu hoạt động tài chính của năm 2020 và trình bày lại báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020.
- Công ty đã tính toán bổ sung các khoản lãi phải thu thêm theo quy định của hợp đồng đến ngày 30/6/2021 như đã trình bày tại mục 3c nêu trên.
- Công ty đã làm việc trực tiếp và gửi đối chiếu Công nợ với các đơn vị vay với số tiền đã trình bày trên.
- Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn luật nộp đơn khởi kiện (trong tháng 4 và tháng 5/2021) các đơn vị đi vay trên với số tiền lãi tính đến hết ngày 31/3/2021.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ căn cứ phán quyết của tòa án, đồng thời căn cứ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ của công ty để hạch toán, phản ánh số lãi bổ sung nói trên vào Báo cáo tài chính từng thời kỳ theo đúng quy định.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi cổ tức năm 2020, như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	89.698.206.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.004.720.284
• Trích thưởng người quản lý Công ty	265.849.703

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



Đào Thị Bé

Hồ Thị Huế

Mai Ngọc Hoàn

